TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 28 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE-TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Đăng K, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: khu phố S, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông K và bà S tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/10/2011 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/5/2020, ông K và bà S thỏa thuận:

- Về hôn nhân: ông K và bà S tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: ông K và bà S cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông K và bà S cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều

cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Đăng K và bà Trần Thị Ngọc S.

- Về con chung: ông K và bà S cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Ông K và bà S cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông K và bà S cùng khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông K và bà S phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông K và bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009001 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND phường PK;
- Các đương sự;
- Lưu.